

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

T.p Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2023

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 205/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/07/2022)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628 C Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Điện thoại: 0766.074.787 Website: baf.vn
4. Vốn điều lệ: 1.435.200.000.000 (Một nghìn bốn trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm triệu) đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có): BAF
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) - Chi nhánh Gia Định
Số hiệu tài khoản: 07073979301
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/04/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19/05/2023 tại Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
 - Mã ngành: 0150;
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Chăn nuôi heo giống, heo thịt; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Kinh doanh nông sản.
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

1. Tên trái phiếu: Trái Phiếu BAFH2225001 và Trái Phiếu BAFH2225002.
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo
3. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng trên một trái phiếu).
4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 6.000.000 trái phiếu (Sáu triệu trái phiếu), bao gồm:
 - Đợt 1: 3.000.000 (Ba triệu) Trái phiếu BAFH2225001;
 - Đợt 2: 3.000.000 (Ba triệu) Trái phiếu BAFH2225002;
5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng).
6. Thời gian phân phối:
 - Đợt 1: Từ ngày 25/07/2022 đến ngày 23/08/2022; ngày giao dịch đầu tiên tại HNX là 30/12/2022 với mã chứng khoán BAF122029.
 - Đợt 2: Dự kiến Quý IV năm 2022 – Quý I năm 2023. Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày.
7. Kỳ hạn trái phiếu: 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
8. Lãi suất: 10,5%/năm (Mười phẩy năm phần trăm trên một năm).
9. Kỳ trả lãi: 06 (Sáu) tháng/lần kể từ Ngày phát hành
10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng cho một trái phiếu)
11. Phương thức phân phối: Thông qua đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

↓ ĐỢT 1:

- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 3.000.000 (Ba triệu) trái phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Tổng chi phí: 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Trong đó:
 - ✓ Phí bảo lãnh phát hành: 0 (Không) đồng;
 - ✓ Phí phân phối trái phiếu và chi phí khác: 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, bao gồm: Phí tư vấn hồ sơ, đại lý phát hành, tư vấn niêm yết, phí cấp giấy chứng nhận chào bán).
 - ✓ Phí kiểm toán: 0 (Không) đồng.

- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 299.400.000.000 (Hai trăm chín mươi chín tỷ, bốn trăm triệu) đồng.
- Số nhà đầu tư được phân phối: 09 (Chín) Nhà đầu tư.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 23/08/2022.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 205/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/07/2022)

1. Thông tin về Tổ Chức Phát Hành

1.1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Cập nhật về thông tin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại trang bìa, trang 1 và trang 21 của Bản Cáo Bạch

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/04/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19/05/2023 tại Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Cập nhật về thông tin địa chỉ trụ sở chính tại trang bìa, trang 21 và trang 24 của Bản Cáo Bạch

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628 C Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2. Cơ cấu tổ chức của công ty

Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức của công ty tại các trang 24, 25 của Bản Cáo Bạch

- ✓ Thông tin chi tiết về 17 Công ty con được trình bày chi tiết tại mục IV.5, Bản Cáo Bạch này.
- ✓ Thông tin chi tiết về các chi nhánh của BAF, gồm 11 chi nhánh và địa điểm kinh doanh như sau:

Cập nhật bỏ thông tin sau tại “Bảng 2: Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh của BAF” trang 24, 25 của Bản Cáo Bạch

Bảng 2: Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh của BAF

Tên đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế
Địa điểm kinh doanh Bình Phước – Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	0107795944 – 007

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cập nhật bổ sung thông tin của ông Phan Ngọc Ẩn ở “Bảng 3: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị” tại trang 27 của Bản Cáo Bạch

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
3	Ông Phan Ngọc Ẩn	Thành viên HĐQT

Cập nhật bổ sung thông tin của ông Nguyễn Duy Tân vào “Bảng 3: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị” tại trang 27 của Bản Cáo Bạch

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
3	Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Cập nhật bổ sung thông tin “Bảng 5: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc” tại trang 28 của Bản Cáo Bạch

Bảng 5: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
3	Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

1.4. Danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Cập nhật bổ sung thông tin “Bảng 6: Danh sách công ty con, công ty liên kết, liên doanh” tại trang 34, 35, 36 của Bản Cáo Bạch

Bảng 6: Danh sách công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Stt	Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã đăng ký (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của BAF
I	DANH SÁCH CÔNG TY CON						
15	Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu	17/07/2009	3800581662	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài,	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	63.800	100%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Tên công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã đăng ký (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của BAF
	Thiên Phú Sơn			Tỉnh Bình Phước, Việt Nam			
16	Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu	11/09/2020	3901303492	Ấp Kà Ôt, Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	40.850	99,99%
17	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi	22/02/2016	3801119450	G18B, Khu phố 5, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Chăn nuôi	71.800	99,90%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Cập nhật bổ thông tin sau tại "Bảng 6: Danh sách công ty con, công ty liên kết, liên doanh" trang 34, 35, 36 của Bản Cáo Bạch

II DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT						
1	Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	0316625505	41 Song Hành, Khu phố 5, phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hệ thống cửa hàng, siêu thị	60.000	33,03%
III DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN DOANH						
1	Myanmar BAF joint venture company limited	100696002	A1 Street, No.148W 5 Ward, Mayangone Township, Yangon, Myanmar	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	6.961.799,2 USD (tương đương 34.624.187,4 16 VND)	21,47%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

1.5. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

1.5.1. Cổ phiếu phổ thông

Cập nhật thông tin “Bảng 8: Cơ cấu cổ đông phân loại theo đối tượng sở hữu” tại trang 40, 41 của Bản Cáo Bạch

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông phân loại theo đối tượng sở hữu

STT	Phân loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	4.893	143.262.002	99,82%
1	Cổ đông cá nhân	4.872	83.991.945	58,52%
2	Cổ đông tổ chức	23	59.270.057	41,30%
II	Cổ đông nước ngoài	28	257.998	0,18%
1	Cổ đông cá nhân	21	61.790	0,04%
2	Cổ đông tổ chức	07	196.208	0,14%
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	4.923	143.520.000	100%

(Nguồn: Tổng hợp theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/04/2023 của BAF)

Cập nhật “Bảng 9: Phân loại theo cổ phiếu” tại trang 41 của Bản Cáo Bạch

Bảng 9: Phân loại theo loại cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	143.520.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	143.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	0
Cổ phiếu quỹ	0
Cổ phiếu đang lưu hành	143.520.000
Cổ phiếu chuyển nhượng tự do	143.520.000
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*)	0

(Nguồn: Tổng hợp theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/04/2023 của BAF)

1.5.2. Các loại chứng khoán khác

Cập nhật bổ sung thông tin về “Các loại chứng khoán khác” tại trang 42 của Bản Cáo Bạch

a. Trái phiếu BAFH2225001 (trái phiếu được niêm yết/giao dịch tại sàn HNX với mã trái phiếu là BAF122029)

- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo;
- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 3.000.000 (Ba triệu) trái phiếu;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng trên một trái phiếu);
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng;
- Tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng;
- Ngày phát hành: 23/08/2022;
- Kỳ hạn: 03 (ba) năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 10,5%/năm (mười phẩy năm phần trăm trên một năm).

B. Trái phiếu BAFH2229001

- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, phát hành tại thị trường trong nước;
- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 600 (Sáu trăm) trái phiếu;
- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (Một tỷ đồng trên một trái phiếu);
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 600.000.000.000 (Sáu trăm tỷ) đồng;
- Tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành: 600.000.000.000 (Sáu trăm tỷ) đồng;
- Kỳ hạn: 07 (Bảy) năm kể từ ngày phát hành;
 - ✓ Ngày đáo hạn thứ nhất: là ngày tròn 06 (sáu) năm kể từ ngày phát hành. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, tổ chức phát hành sẽ mua lại 1/2 khối lượng trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó;
 - ✓ Ngày đáo hạn cuối cùng: là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ ngày phát hành. Tại ngày đáo hạn cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.
- Lãi suất:

- ✓ Lãi suất cố định: 5,25%/ năm.
 - ✓ Lãi suất bổ sung: Là phần lãi suất bổ sung khi hoàn trả trái phiếu trong trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn, và/hoặc trường hợp không chuyển đổi toàn bộ hoặc bất kỳ trái phiếu nào, tại ngày đáo hạn của trái phiếu chưa được chuyển đổi, người sở hữu trái phiếu sẽ được nhận khoản thanh toán cho lãi suất bổ sung tương đương 5,25%/năm cho mỗi kỳ tính lãi tính từ ngày phát hành, đồng thời phần lãi suất bổ sung sẽ được tính lãi kép ở mức 10,5%/năm.
- Ngày phát hành: 16/03/2023.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.6. Hoạt động kinh doanh

1.6.1. Lĩnh vực chăn nuôi heo

Cập nhật bổ sung thông tin "Bảng 10: Danh sách trang trại heo đang hoạt động" tại trang 46, 47, 48 của Bản Cáo Bạch

Bảng 10: Danh sách trang trại heo đang hoạt động

STT	Thông tin Trại	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Đơn vị sở hữu /Cho thuê	Thời hạn thuê - Năm thuê	Năng lực sản xuất/quy mô trang trại
I	TRANG TRẠI THUỘC SỞ HỮU CỦA BAF VÀ CÁC CÔNG TY CON					
5	Trang Trại Xanh 1 – Địa chỉ: xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, Tây Ninh	Xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, Tây Ninh	151.641 m ²	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	-	30.000 Heo thịt
6	Trang Trại Đồng An Khánh – Địa chỉ: KP2, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	149.252,3 m ²	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	-	5.000 nái
7	Trang Trại Bình Phước 1 – Địa chỉ: Ấp Tân Phú, Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Ấp Tân Phú, Xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.	105.833 m ²	Công ty TNHH MTV SX TM Chăn Nuôi Kim Hoi	-	1.200 GGP

BẢN THÔNG TIN CẤP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



NGANG TÂM CHẤT LƯỢNG CHỨC SỞNG

STT	Thông tin Trại	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Đơn vị sở hữu /Cho thuê	Thời hạn thuê - Năm thuê	Năng lực sản xuất/quy mô trang trại
8	Trang Trại Bình Phước 2 – Địa chỉ: Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.	150.588 m ²	Công ty TNHH MTV SX TM Chăn Nuôi Kim Hoi	-	12.000 Heo thịt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Cập nhật bỏ thông tin sau khỏi “Bảng 10: Danh sách trang trại heo đang hoạt động” tại trang 46, 47, 48 của Bản Cáo Bạch

II TRANG TRẠI BAF ĐANG THUÊ SỬ DỤNG

1	Trang Trại Bình Phước 1 – Địa chỉ: Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.	105.833 m ²	Công ty TNHH MTV SX TM Chăn Nuôi Kim Hoi	-	1.200 GGP
2	Trang Trại Bình Phước 2 – Địa chỉ: Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	Áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.	150.588 m ²	Công ty TNHH MTV SX TM Chăn Nuôi Kim Hoi	-	12.000 Heo thịt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

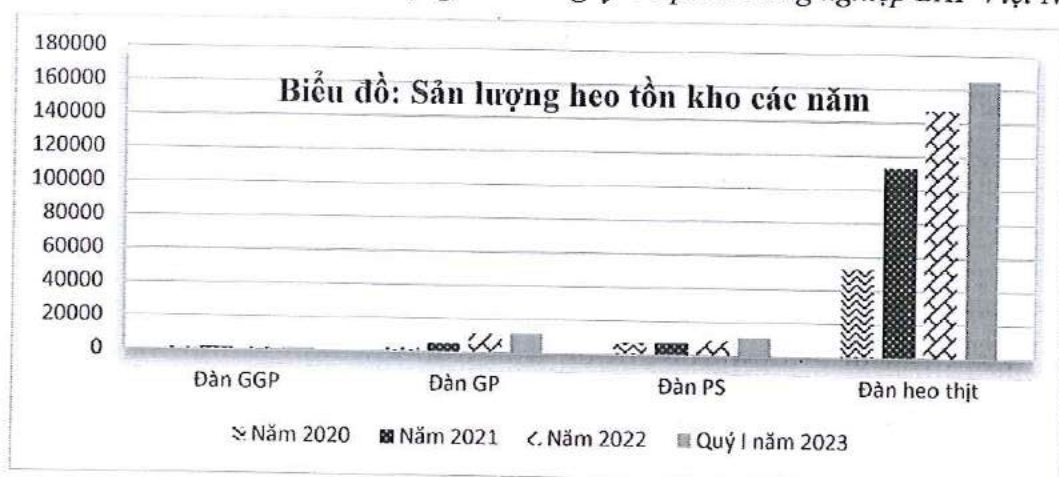
Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 11: Sản lượng heo tồn kho giai đoạn từ năm 2020 đến Quý I năm 2023” tại trang 62 của Bản Cáo Bạch

Bảng 11: Sản lượng heo tồn kho giai đoạn từ năm 2020 đến Quý I năm 2023

Đơn vị tính: Con

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Tăng trưởng 2022/2021 (%)	Quý I năm 2023
1	Đàn heo giống cụ kỵ (GGP)	1.534	7,72%	1.530
2	Đàn heo giống ông bà (GP)	11.450	115,55%	11.664
3	Đàn heo giống bố mẹ (PS)	8.932	24,3%	10.846
4	Đàn heo thịt	146.952	30,46%	165.085
	Tổng cộng	168.868	33,43%	189.125

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)



Cập nhật số liệu năm 2021, 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 12: Tổng sản lượng heo bán ra thị trường” tại trang 63 của Bản Cáo Bạch

Bảng 12: Tổng sản lượng heo bán ra thị trường

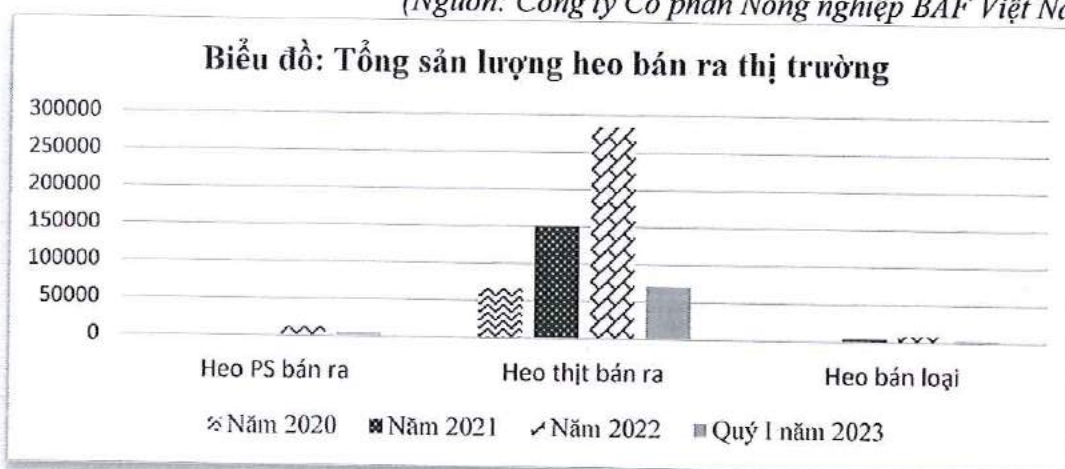
Đơn vị tính: Con

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Tăng trưởng 2021/2020 (%)	Năm 2022	Tăng trưởng 2022/2021 (%)	Quý I năm 2023
1	Heo giống bố mẹ bán ra (PS)	1.053	-	11.847	1.025,07%	4.583
2	Heo thịt bán ra	150.120 (*)	126,39%	283.693	88,98%	70.489
3	Sản lượng Nái	4.009 (*)	198,29%	7.981	99,08%	3.007

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Tăng trưởng 2021/2020 (%)	Năm 2022	Tăng trưởng 2022/2021 (%)	Quý I năm 2023
	GGP/GP/PS bán loại					
	Tổng cộng	155.182	123,45%	303.521	100,78%	78.079

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)



(*) Điều chỉnh do thực hiện phân loại lại Heo thịt bán ra và Sản lượng Nái năm 2021

Cập nhật số liệu năm 2021, 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 13: Doanh thu - Lợi nhuận – Chi phí mảng Chăn nuôi” tại trang 63, 64 của Bản Cáo Bạch

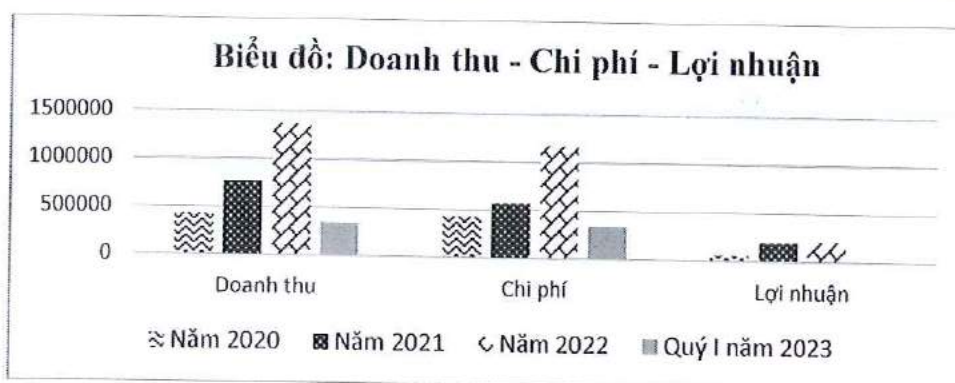
Bảng 13: Doanh thu – Lợi nhuận – Chi phí mảng Chăn nuôi

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021 (*)	Năm 2022	Quý I năm 2023
1	Doanh thu bán heo	762.840	1.372.700	342.101
1.1	Heo giống Bồ mẹ bán ra	8.906	87.661	34.130
1.2	Heo thịt bán ra	727.662	1.230.506	290.553
1.3	Nái GGP/GP/PS bán loại	26.272	54.533	17.418
2	Chi phí sản xuất	570.560	1.168.222	341.613
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	192.280	204.478	488

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

(*) Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF do thay đổi đơn vị kiểm toán



1.6.2. Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 14: Sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi từ năm 2020 đến Quý I năm 2023” tại trang 67 của Bản Cáo Bạch

Bảng 14: Sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi từ năm 2020 đến Quý I năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nhà máy cám cung cấp cám nội bộ	Năm 2022	Quý I năm 2023
Sản lượng nội bộ (tấn)	58.382	18.138
Doanh thu nội bộ (tính theo giá thị trường)	500.476	217.656

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

1.6.3. Lĩnh vực kinh doanh thương mại nông sản

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 15: Sản lượng các mặt hàng nông sản của BAF” tại trang 73 của Bản Cáo Bạch

Bảng 15: Sản lượng các mặt hàng nông sản của BAF

Đơn vị tính: Tấn

Stt	Tên mặt hàng	Năm 2022		Quý I năm 2023	
		Sản lượng tiêu thụ	%/Tổng sản lượng	Sản lượng tiêu thụ	%/Tổng sản lượng
1	Ngô hạt	676.458	100%	51.532	100%
2	Khô dầu đậu tương	-	-	-	-
3	Lúa mỳ	-	-	-	-
4	Bã ngô-DDGS	-	-	-	-
6	Lúa mì milling	-	-	-	-

Stt	Tên mặt hàng	Năm 2022		Quý I năm 2023	
		Sản lượng tiêu thụ	%/Tổng sản lượng	Sản lượng tiêu thụ	%/Tổng sản lượng
7	Cà phê nhân Arabica	-	-	-	-
	Tổng cộng	676.458	100%	51.532	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 16: Doanh thu các mặt hàng nông sản của BAF giai đoạn từ năm 2020 đến Quý I năm 2023)

Bảng 16: Doanh thu các mặt hàng nông sản của BAF giai đoạn từ năm 2020 và lũy kế đến Quý I năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Quý I năm 2023
1	Doanh thu trong nước	5.706.447	475.041
1.1	Ngô hạt	5.706.447	475.041
1.2	Khô dầu đậu tương	-	-
1.3	Lúa mỳ	-	-
1.4	Bã ngô-DDGS	-	-
1.5	Lúa mì milling	-	-
1.6	Các mặt hàng NVL TÁC N khác	-	-
2	Doanh thu hàng hóa xuất khẩu	-	-
2.1	Khô dầu đậu tương	-	-
2.2	Lúa mì milling	-	-
3	Tổng cộng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh nông sản	5.706.447	475.041

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

1.6.4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2022

Cập nhật số liệu năm 2021, 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 17: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận tổng hợp của BAF" tại trang 76 của Bản Cáo Bạch

Bảng 17: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận tổng hợp của BAF

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2021 (*)		Năm 2022		Quý I năm 2023	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.437.501	100%	6.441.541	100%	852.910	100%
Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	9.687.445	92,81%	4.977.354	77,27%	544.077	63,79%
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	749.190	7,18%	1.386.095	21,52%	308.593	36,18%
Doanh thu bán cám	-	-	76.930	1,19%	-	-
Doanh thu cho thuê	866	0,01%	1.162	0,02%	240	0,03%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.449	4,55%	447.614	6,95%	4.531	0,53%
Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh nông sản	231.890	2,22%	135.473	2,10%	4.265	0,50%
Lợi nhuận gộp về hoạt động chăn nuôi	241.957	2,32%	287.668	4,47%	202	0,02%
Lợi nhuận gộp về hoạt động bán cám	-	-	23.574	0,37%	-	-
Lợi nhuận gộp về hoạt động cho thuê	603	0,01%	899	0,01%	64	0,01%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	311.530	2,98%	244.842	3,80%	(42.587)	(4,99%)

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ theo số liệu tại BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán của BAF do thay đổi đơn vị kiểm toán.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

Cập nhật số liệu năm 2021, 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 18: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận hợp nhất của BAF” tại trang 76, 77 của Bản Cáo Bạch

Bảng 18: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận hợp nhất của BAF

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2021 (*)		Năm 2022		Quý I năm 2023	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.434.354	100%	7.083.419	100%	816.539	100%
Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	9.670.648	92,68%	5.706.447	80,56%	474.198	58,07%
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	762.840	7,31%	1.372.700	19,38%	342.101	41,90%
Doanh thu bán cám	-	-	3.110	0,04%	-	-
Doanh thu cho thuê	866	0,01%	1162	0,02%	240	0,03%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	487.560	4,67%	525.409	7,42%	63.480	7,77%
Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh nông sản	212.730	2,04%	152.392	2,15%	4.193	0,51%
Lợi nhuận gộp về hoạt động chăn nuôi	274.227	2,63%	376.314	5,31%	59.224	7,25%
Lợi nhuận gộp bán cám	-	-	(4.196)	(0,06%)	-	-
Lợi nhuận gộp về hoạt động cho thuê	603	0,01%	899	0,01%	64	0,01%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	321.791	3,08%	287.779	4,06%	3.906	0,48%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF do thay đổi đơn vị kiểm toán.

Cập nhật phần nhận xét tại mục “8.1.4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn từ năm 2020 đến hết Quý I năm 2023” trang 78, 79 của Bản Cáo Bạch

Năm 2022, doanh thu thuần của Công ty đạt lần lượt là 6.441,54 tỷ đồng trên BCTC riêng và 10.434,35 tỷ đồng trên BCTC hợp nhất. Trong cơ cấu doanh thu của BAF, doanh thu đến từ

hoạt động kinh doanh nông sản vẫn chiếm phần lớn tỷ trọng/DTT, khoảng 77-80%, tuy nhiên, tỷ trọng của doanh thu mảng chăn nuôi đã có sự tăng trưởng rõ rệt so với năm 2021 từ 7% lên gần 20%.

Kết thúc Quý I năm 2023, BCTC hợp nhất của BAF ghi nhận mức doanh thu thuần đạt 816,53 tỷ đồng. Trong đó, cơ cấu doanh thu của mảng kinh doanh nông sản giảm xuống còn 58,07% tỷ trọng/DTT, mảng chăn nuôi tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và chiếm đến 41,9% tỷ trọng/DTT”

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.7. Tài sản

1.7.1. Tài sản cố định

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 19: Giá trị tài sản cố định theo BCTC tổng hợp, riêng” tại trang 80 của Bản Cáo Bạch

Bảng 19: Giá trị tài sản cố định theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2022			31/03/2023		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	195.188	50.074	145.115	206.509	55.928	150.581
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	99.058	25.513	73.545	110.630	28.750	81.880
2	Máy móc và thiết bị	33.841	8.970	24.871	34.414	9.974	29.440
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	49.387	9.782	39.605	49.386	11.289	38.097
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.469	946	2.523	3.868	1.108	2.759
5	Tài sản cố định khác (*)	9.432	4.862	4.570	8.210	4.806	3.404
II	Tài sản cố định vô hình	182.432	861	181.571	182.432	954	181.478
1	Nhãn hiệu, tên thương mại	-	-	-	-	-	-
2	Chương trình phần mềm	1.583	861	722	1.582	954	628
3	Quyền sử dụng đất	180.849	-	180.849	180.849	-	180.849

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 20: Giá trị tài sản cố định theo BCTC hợp nhất" tại trang 81 của Bản Cáo Bạch

Bảng 20: Giá trị tài sản cố định theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2022			31/03/2023		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	1.048.316	159.332	888.984	1.063.064	180.360	882.704
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	785.110	117.917	667.193	797.302	132.674	664.628
2	Máy móc và thiết bị	191.769	24.098	167.671	194.890	28.430	166.460
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	51.258	10.122	41.136	51.258	11.706	39.552
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.213	1.702	5.511	7.865	2.006	5.859
5	Tài sản cố định khác (*)	12.966	5.493	7.473	11.748	5.543	6.205
II	Tài sản cố định vô hình	212.584	5.467	207.117	191.965	4.354	187.611
1	Nhãn hiệu, tên thương mại	-	-	-	-	-	-
2	Chương trình phần mềm	11.066	3.955	7.111	11.116	4.354	6.762
3	Quyền sử dụng đất	201.518	1.512	200.006	180.849	-	180.849

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.7.2. Bất động sản đầu tư

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 21: Bất động sản đầu tư theo BCTC tổng hợp, riêng" tại trang 82 của Bản Cáo Bạch

Bảng 21: Bất động sản đầu tư theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022				31/03/2023			
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	
1	Bất động sản đầu tư	15.175	(526)	14.649		-	-	-	

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 22: Bất động sản đầu tư theo BCTC hợp nhất" tại trang 82 của Bản Cáo Bạch

Bảng 22: Bất động sản đầu tư theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022				31/03/2023			
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	
1	Bất động sản đầu tư	15.175	(526)	14.649		-	-	-	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



NIỆNG TẬP CHẤT LƯỢNG QUỐC SĨA

Cập nhật bổ thông tin sau khời "Bảng 23: Danh sách các tài sản là đất đai, bất động sản" tại trang 83 của Bản Cáo Bạch

Bảng 23: Danh sách các tài sản là đất đai, bất động sản

STT	Loại tài sản	Địa chỉ	Số số	Ngày cấp	Diện tích (m2)	Tình trạng
3	Căn hộ	Căn hộ Mandarin Garden	CL333969	14/11/2017	2.097,0	Tài sản trên đất ở tại đô thị, sử dụng lâu dài
4	Sản văn phòng	Ô số 4, tầng 12A tòa nhà Diamond Flower	CT505014	07/02/2020	389,7	Tài sản trên đất ở tại đô thị, sử dụng lâu dài

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.8. Các hợp đồng lớn

Cập nhật bổ sung thông tin "Bảng 24: Các hợp đồng lớn trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại" tại trang 85 đến 88 của Bản Cáo Bạch.

Bảng 24: Các hợp đồng lớn trong 2 năm gần nhất và tới thời điểm hiện tại

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với Người nội bộ Người có liên quan và Cổ đông lớn	Tiến độ thực hiện
II. Hợp đồng với đối tác trong nước								
29	04.08/2022/BLO C-BAFNN/9K	Công ty cổ phần phát triển nông nghiệp Bảo Lộc	Thức ăn chăn nuôi	04/08/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	81,270	Không	Đã hoàn thành
30	0404-2022/KN- BAFNN/20K	Công ty cổ phần nông nghiệp Kiến Nông	Ngô hạt	04/04/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	174,900	Không	Đã hoàn thành
31	2610- 2022/CAVI/BAF NN/16K	Công ty cổ phần nông sản cavi Việt Nam	Ngô hạt	26/10/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	145,280	Không	Đã hoàn thành
32	0906- 2022/CBOT/BAF NN/12K	Công ty cổ phần CBOT Việt Nam	Ngô hạt	09/06/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	106,500	Không	Đã hoàn thành
33	1401-2022/GVD- BAFNN/40K	Công ty cổ phần gạo vì dân	Ngô hạt	14/01/2022	31/12/2022	311,200	Không	Đã hoàn thành

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với Người nội bộ Người có liên quan và Cổ đông lớn	Tiến độ thực hiện
II. Hợp đồng với đối tác trong nước								
34	1703- 2022/TZAN/BAF NN/18K	Công ty cổ phần nông sản TZAN quốc tế	Ngô hạt	17/03/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	157,140	Không	Đã hoàn thành
35	2503- 2022/BBN/BAFN N/17K	Công ty cổ phần nông sản Bờ Biển Ngà	Ngô hạt	25/03/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	146,200	Không	Đã hoàn thành
36	2811/2022/MOG B/BAFNN/26K	Công ty cổ phần nông sản MOGB quốc tế	Ngô hạt	28/11/2022	Hoàn tất nghĩa vụ	238,290	Không	Đã hoàn thành
37	1502/2023- HDKT/C BOT/BAFNN	Công ty cổ phần CBOT Việt Nam	Ngô hạt	15/02/2023	Hoàn tất nghĩa vụ	191,100	Không	Đã hoàn thành

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

(Phần còn lại của trang được cô ý để trống)

1.9. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành

Cập nhật thông tin “Bảng 25: So sánh các chỉ số tài chính của các Công ty trong cùng ngành, nghề” tại trang 93 của Bản Cáo Bạch

Bảng 25: So sánh các chỉ số tài chính của các Công ty trong cùng ngành, nghề

Chỉ tiêu	Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HOSE)	TCT Chăn nuôi Việt Nam (UpCOM)	CTCP Việt Nam kỹ nghệ súc sản (Upcom)	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam (HOSE)
Tổng tài sản (triệu đồng)	12.974.103,92	4.898.376,54	2.081.674,45	4.729.096,09
Vốn điều lệ (triệu đồng)	2.420.018,59	1.723.461,73	809.143	1.435.200,00
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	4.641.227,66	4.456.893,05	1.286.832,42	1.742.668,06
Doanh thu thuần (triệu đồng)	11.557.594,67	3.140.294,88	3.833.500,74	7.083.418,35
LNST chưa phân phối (triệu đồng)	5.194,59	702.473,81	137.451,78	286.687,39
ROE (%)	0,11	3,18	10,99	17,93
ROA (%)	0,04	2,86	6,29	5,63
EPS (đồng)	21	755	1.699	1.998
BV (đồng)	19.178	18.608	15.904	12.081

(Nguồn: Tổng hợp từ Fiinpro số liệu BCTC năm 2022 được kiểm toán của các công ty)

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.10. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Cập nhật bỏ các thông tin sau khỏi “Bảng 26: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty” tại trang 105 của Bản Cáo Bạch

Stt	Tên cổ đông	Ngày sinh/Số ĐKDN	Quốc tịch	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ bởi người có liên quan của cổ đông lớn tại ngày 10/05/2022	Tỷ lệ trên số lượng cổ phiếu lưu hành (%)	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 10/05/2022	Tỷ lệ trên số lượng cổ phiếu lưu hành (%)
1	Bùi Hương Giang (*)	30/11/1980	Việt Nam	Lương Tổng giám đốc	0	0	19.021.000	13,26%
2	Phan Ngọc Ân (*)	29/10/1976	Việt Nam	Lương Phó Tổng giám đốc	0	0	9.117.200	6,35%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Cập nhật thông tin “Bảng 26: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty” tại trang 105 của Bản Cáo Bạch

Bảng 26: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Stt	Tên cổ đông	Ngày sinh/Số ĐKDN	Quốc tịch	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ bởi người có liên quan của cổ đông lớn tại ngày	Tỷ lệ trên số lượng cổ phiếu lưu hành (%)	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 12/04/2023	Tỷ lệ trên số lượng cổ phiếu lưu hành (%)
-----	-------------	-------------------	-----------	---	---	---	---	---

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

					12/04/2023			
1	Công ty Cổ phần Siba Holdings (**)	0109778609; ngày 14/10/2022; do Sở KH và ĐT T.p Hà Nội	Việt Nam	Không có	310.000	0,22%	58.102.900	40,48%
Tổng cộng					310.000	0,22%	58.102.900	40,48%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

(*) Tính đến thời điểm Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch này được phát hành, Ông Phan Ngọc Ấn và Bà Bùi Hương Giang không còn là cổ đông lớn của BAF.

Cập nhật thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Siba Holdings tại trang 106 của Bản Cáo Bạch

(**) Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Siba Holdings như sau:

- Sở hữu chứng khoán của cổ đông lớn và người có liên quan tại BAF: 58.413.000 cổ phiếu chiếm 40,7% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cổ đông lớn sở hữu: 58.102.900 cổ phiếu, chiếm 40,48% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 310.100 cổ phiếu, chiếm 0,22% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan của cổ đông lớn nắm giữ cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành:

STT	Họ tên	Mối quan hệ với Cổ đông lớn	Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Phú	Tổng giám đốc	Cổ đông	264.100	0,184%
2	Trương Đức Nam	Kế toán trưởng	Cổ đông	46.000	0,03%

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1.11. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Cập nhật bổ thông tin ông Phan Ngọc Ân ở “Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng” tại trang 107 của Bản Cáo Bạch

Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND/CCCD
I	Hội đồng quản trị			
3	Ông Phan Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	52	270990001

Cập nhật bổ sung “Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng” tại trang 107 của Bản Cáo Bạch

Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND/CCCD
I	Hội đồng quản trị			
3	Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT	48	031075006287
II	Ban Tổng giám đốc			
3	Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	52	270990001

a. Hội đồng quản trị

❖ Ông Trương Sỹ Bá - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Cập nhật thông tin thay đổi của ông Trương Sỹ Bá tại trang 108, 109 của Bản Cáo Bạch

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành: 58.102.900 cổ phiếu chiếm 40,48% vốn điều lệ, trong đó:
 - Người có liên quan sở hữu: 58.102.900 cổ phiếu, chiếm 40,48% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại BAF:

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Tên	Số CMND/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu tại BAF	Quan hệ với người nội bộ
1	Công ty Cổ phần Siba Holdings	0109778609	14/10/2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	58.102.900	Công ty có chung Chủ tịch HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022: 0 đồng và 85.500.000 đồng.

❖ Bà Bùi Hương Giang – Thành viên HĐQT

Cập nhật bổ sung thông tin thay đổi của bà Bùi Hương Giang tại trang 109, 110, 111 của Bản Cáo Bạch

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐQT/Giám đốc/Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật tại các công ty con thuộc BAF, cụ thể như sau:

+ Từ tháng 08/2022, giữ chức Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu.

+ Từ tháng 09/2022, giữ chức Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn.

+ Từ tháng 11/2022, giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại chăn nuôi Kim Hoi.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 12/2021 – 28/09/2022	Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật
Từ 08/2022 - nay	Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 09/2022 - nay	Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 29/09/2022 - nay	Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Thành viên HĐQT

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Từ 11/2022 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại chăn nuôi Kim Hoi	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
------------------	---	----------------------------------

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 4.669.000 cổ phiếu chiếm 3,25% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: 4.669.000 cổ phiếu chiếm 3,25% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 lần lượt là 519.500.000 đồng và 673.525.535 đồng

Cập nhật bổ các thông tin sau tại sơ yếu lý lịch của bà Bùi Hương Giang tại trang 109, 110, 111 của Bản Cáo Bạch

- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 7.800.000 cổ phiếu trong thời gian từ ngày 05/05/2021 đến ngày 31/08/2022 theo cam kết của cổ đông lớn khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 15, Luật Chứng khoán 54/2019/QH14);
 - Cam kết nắm giữ 10.337.500 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên và 5.168.750 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

❖ **Ông Phan Ngọc Ân – Thành viên HĐQT**

Cập nhật bổ thông tin của ông Phan Ngọc Ân tại trang 111, 112, 113 của Bản Cáo Bạch

"Ông Phan Ngọc Ân – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phan Ngọc Ân
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 29/10/1976 Nơi sinh: Tiền Giang
- Căn cước công dân số: 082076000433 Ngày cấp: 05/07/2019
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 212B/21E đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD/Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1998 – 09/2002	Công ty nước giải khát Coca Cola Việt Nam	Giám sát kế toán Bán hàng
Từ 10/2002 – 12/2007	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	Trưởng Phòng Tài Chính Ngân Sách
Từ 01/2008 – 12/2015	Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam	Giám Đốc Tài Chính GreenFeed & Phó TGD GreenFarm Asia
Từ 01/2016 – 12/2018	Công ty Cổ phần GrowFeed Việt Nam	TGD kiêm Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2019 – 12/2019	Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Nông Lâm VINA	Phó TGD điều hành
Từ 04/2020 – Nay	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
Từ 03/2021 – 15/03/2022	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ 16/03/2022 - Nay	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành: 9.117.200 cổ phiếu chiếm 6,353% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 9.117.200 cổ phiếu, chiếm 6,353% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 4.680.000 cổ phiếu trong thời gian từ ngày 05/05/2021 đến ngày 31/08/2022 theo cam kết của cổ đông lớn khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 15, Luật Chứng khoán 54/2019/QH14)
 - Cam kết nắm giữ 4.955.000 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

thời gian 06 tháng kể từ ngày 03/12/2021 và 2.477.500 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2020 và 2021 lần lượt là 61.340.000 đồng và 518.236.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có”

❖ Ông Nguyễn Duy Tân – Thành viên HĐQT

Cập nhật bổ sung thông tin của ông Nguyễn Duy Tân – Thành viên HĐQT mới

“Ông Nguyễn Duy Tân – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Duy Tân
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 20/10/1975 Nơi sinh: Lai Châu
- Căn cước công dân số: 031075006287 Ngày cấp: 29/07/2022
Nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 15B, đường 1 C/X Chu Văn An, P26, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1998 - 2005	ACB Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS) Hồ Chí Minh	Cán bộ nhân viên
Từ 2006 - 2007	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sao Việt	Giám đốc khối Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp
Từ 2008 - 2009	Công ty Chứng khoán Trảng An HCM	Trưởng phòng Môi giới – Tư vấn đầu tư
Từ 2009 - 2012	Hội đồng quản trị ngân hàng Việt nam	Giám đốc khối kinh doanh

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

	Tín nghĩa (nay là ngân hàng SCB)	nguồn vốn
Từ 2012 - 2017	Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long	Phó Giám đốc phụ trách Công ty TNHH MTV QLNN & KTTS
Từ 2017 – 03/2023	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Việt	Giám đốc kinh doanh
Từ 10/05/2023 – Nay	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có
- ❖ **Ông Bùi Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập**
Cập nhật thông tin thay đổi của ông Bùi Quang Huy tại trang 113, 114 của Bản Cáo Bạch
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022: 0 đồng và 64.800.000 đồng
- Cập nhật bổ thông tin sau của ông Bùi Quang Huy tại trang 113, 114 của Bản Cáo Bạch*
- Danh sách về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại BAF:

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

STT	Họ và tên	Số CMND/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu tại BAF	Quan hệ với người nội bộ
1	Vũ Thị Len	013155144	12/02/2009	Công an TP. Hà Nội	55.200	Vợ

❖ **Ông Lê Xuân Thọ - Thành viên HĐQT không điều hành**

Cập nhật thông tin thay đổi của ông Lê Xuân Thọ tại trang 114, 115, 116 của Bản Cáo Bạch

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 9.800 cổ phiếu chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: 9.800 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022: 0 đồng và 64.800.000 đồng.

Cập nhật bỏ các thông tin sau tại sơ yếu lý lịch của ông Lê Xuân Thọ tại trang 114, 115, 116 của Bản Cáo Bạch

- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 1.560.000 cổ phiếu trong thời gian từ ngày 05/05/2021 đến ngày 31/08/2022 theo cam kết của cổ đông lớn khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 15, Luật Chứng khoán 54/2019/QH14).
 - Cam kết nắm giữ 1.590.000 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 03/12/2021 và 795.000 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

b. Ban Tổng giám đốc

Cập nhật bỏ nội dung sau ở mục “10.2.2. Ban Tổng giám đốc” tại trang 116 của Bản Cáo Bạch

“Ông Phan Ngọc Ân – Phó Tổng Giám đốc: như trình bày tại Phần IV Mục 10.2.1”

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Cập nhật bổ sung thông tin sơ yếu lý lịch của ông Phan Ngọc Ấn ở mục "10.2.2. Ban Tổng giám đốc" tại trang 116 của Bản Cáo Bạch

❖ **Ông Phan Ngọc Ấn – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Phan Ngọc Ấn
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 29/10/1976 Nơi sinh: Tiền Giang
- Căn cước công dân số: 082076000433 Ngày cấp: 05/07/2019
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 212B/21E đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD/Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1998 – 09/2002	Công ty nước giải khát Coca Cola Việt Nam	Giám sát kế toán Bán hàng
Từ 10/2002 – 12/2007	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam	Trưởng Phòng Tài Chính Ngân Sách
Từ 01/2008 – 12/2015	Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam	Giám Đốc Tài Chính GreenFeed & Phó TGD GreenFarm Asia
Từ 01/2016 – 12/2018	Công ty Cổ phần GrowFeed Việt Nam	TGD kiêm Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2019 – 12/2019	Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Nông Lâm VINA	Phó TGD điều hành
Từ 04/2020 – Nay	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
Từ 03/2021 – 15/03/2022	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ 16/03/2022 –	Công ty Cổ phần Nông	Thành viên HĐQT

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

10/05/2023

nghịệp BAF Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan nắm giữ cổ phiếu tại BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 lần lượt là: 518.236.000 đồng và 690.010.101 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có

Cập nhật bổ sung thông tin sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Tiến Thành tại trang 116 của Bản Cáo Bạch

❖ Ông Nguyễn Tiến Thành – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Thành
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 20/01/1971 Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Căn cước công dân số: 270990001 Ngày cấp: 28/12/2017
- Nơi cấp: CA Tỉnh Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 106/8, Nguyễn Văn Trỗi, Trung Dũng. Biên Hoà, Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Đại học, chuyên ngành Kế toán kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/1997-6/1997	Cty TNHH Cargill VN	Quản lý tập sự
Từ 1/1997-1/2001	Cty TNHH Cargill VN	Giám đốc sản xuất

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/2001 – 2013	ĐH Nông Lâm TPHCM	Giảng viên & Cán bộ quản lý KHCN
Từ 2012-2013	Cty CP GREENFEED VN	Cố vấn chương trình hợp tác phát triển giống heo GreenFeed hợp tác với Cty giống PIC USA
Từ 2013-2014	Cty CP GREENFEED VN	Trưởng phòng cấp cao kỹ thuật, đào tạo mảng heo & marketing
Từ 2014-2018	Cty CP GREENFEED VN	Giám đốc điều hành, giám đốc dự án trại giống, kiêm giám đốc kỹ thuật, đào tạo, công tác giống
Từ 6/2018-25/07/2022	Cty BigDutchman VN	Tổng giám đốc và đại diện pháp luật
Từ 25/07/2022 - Nay	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc Thường trực

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 100 cổ phiếu, chiếm 0,000069% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 100 cổ phiếu, chiếm 0,000069% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan sở hữu cổ phiếu BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 là: 0 đồng và 218.439.457 đồng
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có

c. Ban kiểm soát

❖ **Ông Nguyễn Thanh Hải – Trưởng Ban kiểm soát**

Cập nhật thông tin thay đổi của ông Nguyễn Thanh Hải tại trang 116, 117 của Bản Cáo Bạch

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 lần lượt là 264.700.000 đồng và 375.678.874 đồng.

Cập nhật bỏ các thông tin sau tại sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Thanh Hải tại trang 116, 117 của Bản Cáo Bạch

- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 20.000 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 03/12/2021 và 10.000 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

❖ **Bà Dương Thị Hồng Tân – Thành viên BKS**

Cập nhật thông tin thay đổi của bà Dương Thị Hồng Tân tại trang 117, 118 của Bản Cáo Bạch

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2020 và 2021 lần lượt là 232.250.000 đồng và 313.820.994 đồng.

❖ **Ông Nguyễn Quốc Văn – Thành viên BKS**

Cập nhật thông tin thay đổi của ông Nguyễn Quốc Văn tại trang 118, 119, 120 của Bản Cáo Bạch

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 lần lượt là 260.855.000 đồng và 361.092.610 đồng.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Cập nhật bỏ các thông tin sau tại sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Quốc Văn tại trang 118, 119, 120 của Bản Cáo Bạch

- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 5.000 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 03/12/2021 và 2.500 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

d. Kế toán trưởng

❖ Ông Ngô Cao Cường – Kế toán trưởng

Cập nhật bỏ thông tin thay đổi của ông Ngô Cao Cường tại trang 120, 121, 122 của Bản Cáo Bạch

- Họ và tên: Ngô Cao Cường
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 05/04/1987 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Căn cước công dân số: 038087009915 Ngày cấp: 20/08/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Tổ Lai, Xã Định Hòa, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Tên tổ chức khác	Chức vụ nắm giữ
Từ 12/2020 - Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Kế toán trưởng
Từ 01/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Chăn nuôi Minh Thành	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty CP Chăn nuôi CNC Hải Đăng Tây Ninh	Kế toán trưởng
Từ 12/2020 – Nay	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Kế toán trưởng
Từ 12/2021 – Nay	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi BaF	Kế toán trưởng

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

	Tây Ninh	
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Kế toán trưởng
Từ 11/2020 – Nay	Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Phú Sơn	Kế toán trưởng
Từ 08/2021 – Nay	Công ty CP Nông nghiệp BaF Bình Định	Kế toán trưởng
Từ 02/2022 – Nay	Công ty TNHH MTV BAF MEAT Bình Phước	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi CNC Sông Hình	Kế toán trưởng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2008 – 01/2010	Công ty cổ phần GreenFeed VN	NV Kế toán thanh toán
Từ 01/2010 – 07/2012	Công ty cổ phần GreenFeed VN	Chuyên viên kiểm soát NB
Từ 07/2012 – 07/2013	Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam	Chuyên viên kiểm toán NB
Từ 07/2013 – 07/2016	Công ty TNHH GreenFarm Hưng Yên	Kế toán tổng hợp – KT trưởng
Từ 10/2016 – 01/2018	Công ty cổ phần GrowFeed Việt Nam	Kế toán trưởng – Tài chính
Từ 01/2018 – 06/2020	Công ty cổ phần tập đoàn Pacific Healthcare	Quản lý tài chính kế toán
Từ 12/2020 - Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Kế toán trưởng
Từ 01/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Chăn nuôi Minh Thành	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 - Nay	Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty CP Chăn nuôi CNC Hải Đăng Tây Ninh	Kế toán trưởng
Từ 12/2020 – Nay	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Kế toán trưởng
Từ 12/2021 – Nay	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi BaF Tây Ninh	Kế toán trưởng

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Kế toán trưởng
Từ 11/2020 – Nay	Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Phú Sơn	Kế toán trưởng
Từ 08/2021 – Nay	Công ty CP Nông nghiệp BaF Bình Định	Kế toán trưởng
Từ 02/2022 – Nay	Công ty TNHH MTV BAF MEAT Bình Phước	Kế toán trưởng
Từ 05/2021 – Nay	Công ty TNHH Chăn nuôi CNC Sông Hình	Kế toán trưởng
Từ 06/2020 – 03/2022	Công ty cổ phần nông nghiệp BaF Việt Nam	Quản lý tài chính kế toán
Từ 03/2022 – Nay	Công ty cổ phần nông nghiệp BaF Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 82.800 cổ phiếu, chiếm 0,058% vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 82.800 cổ phiếu, chiếm 0,058% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan sở hữu cổ phiếu BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2020 và 2021 lần lượt là 73.500.000 đồng và 264.700.000 đồng
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có
- ❖ **Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Mai – Kế toán trưởng**
Cập nhật bổ sung thông tin của Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Mai – Kế toán trưởng mới
 - Họ và tên: Nguyễn Huỳnh Thanh Mai
 - Giới tính: Nữ Ngày sinh: 18/2/1991 Nơi sinh: Kiên Lương, Kiên Giang
 - Căn cước công dân số: 091191000569 Ngày cấp: 08/04/2021
 - Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội
 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 5, Hòa Giang, Hòa Điền, Kiên Lương, Kiên Giang
- Trình độ chuyên môn: Đại học, các chứng chỉ nghề nghiệp (kế toán trưởng, kế toán thuế)
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAF hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2014 – 04/2015	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	Chuyên viên tín dụng
Từ 05/2015 – 07/2018	Công Ty TNHH GreenFarm Asia	Chuyên viên kế toán thanh toán
Từ 08/2018-12/2021	Công Ty Cổ Phần FedFarm và Công Ty TNHH LinkFarm	Kế toán tổng hợp
Từ 01/2022-04/2023	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp BaF	Kế Toán tổng hợp
Từ 29/05/2023 - Nay	Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp BaF	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Danh sách về người có liên quan sở hữu cổ phiếu BAF: Không có
- Cam kết nắm giữ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không có

e. Người phụ trách quản trị Công ty

❖ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Người phụ trách quản trị Công ty**

Cập nhật thông tin thay đổi của bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy tại trang 122, 123 của Bản Cáo Bạch

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan tại BAF: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,0035% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,0035% vốn điều lệ
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm 2021 và 2022 lần lượt là 264.700.000 đồng và 264.700.000 đồng.
- Cập nhật bổ các thông tin sau tại sơ yếu lý lịch của bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy tại trang 122, 123 của Bản Cáo Bạch*
- Cam kết nắm giữ:
 - Cam kết nắm giữ 10.000 cổ phiếu tương ứng với 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 03/12/2021 và 5.000 cổ phiếu tương ứng với 50% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo điểm d, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

2. Thông tin tình hình hoạt động kinh doanh

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 28: Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của BAF trong các năm gần đây" tại trang 126, 127 của Bản Cáo Bạch

Bảng 28: Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của BAF trong các năm gần đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Quý I năm 2023
		Giá trị	Tăng trưởng 2021/2020	Giá trị	Tăng trưởng 2022/2021	Giá trị
1	Tổng giá trị tài sản	5.466.160	5,08%	3.652.069	(33,19%)	4.761.802
2	Vốn chủ sở hữu	1.437.080	154,03%	1.681.923	17,04%	1.792.777
3	Doanh thu thuần	10.437.501	(18,71%)	6.441.541	(38,28%)	852.910
3.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	9.671.244 (*)	(22,10%)	4.977.354	(48,53%)	544.077
3.2	Doanh thu hoạt động chăn nuôi	765.390 (*)	79,87%	1.386.095	81,10%	308.593
3.3	Doanh thu bán cảm	-	-	76.930	-	-
3.4	Doanh thu cho thuê	866	-	1.162	34,18%	240
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.449	145,69%	447.614	(5,66%)	4.531
4.1	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh nông sản	215.688 (*)	70,58%	135.473	(37,19%)	4.265
4.2	Lợi nhuận gộp về hoạt động chăn nuôi	258.157 (*)	287,27%	287.668	11,43%	202
4.3	Lợi nhuận gộp về hoạt động bán cảm	-	-	23.574	-	-
4.4	Lợi nhuận gộp về hoạt động cho thuê	603	-	899	49,09%	64
5	Lợi nhuận khác	(786)	-	(1.808)	-	4.800

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG CHẤM TỰ LẬP QUỐC SANG

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Quý I năm 2023
		Giá trị	Tăng trưởng 2021/2020	Giá trị	Tăng trưởng 2022/2021	Giá trị
6	Lợi nhuận trước thuế	377.688	550,52%	298.264	(21,03%)	(42.587)
7	Lợi nhuận sau thuế	311.573	578,16%	244.842	(21,42%)	(42.587)
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	112,65%	-	-	-	-
9	Tỷ lệ cổ tức	45%	-	-	-	-
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31,11%	-	15,7%	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)
 (*) Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ theo số liệu tại BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán của BAF do thay đổi đơn vị kiểm toán.

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở "Bảng 29: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của BAF trong các năm gần đây" tại trang 127, 128 của Bản Cáo Bạch.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

Bảng 29: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của BAF trong các năm gần đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Quý I năm 2023
		Giá trị	Tăng trưởng 2021/2020	Giá trị	Tăng trưởng 2022/2021	Giá trị
1	Tổng giá trị tài sản	5.457.246	4,03%	4.729.096	(13,34%)	5.989.934
2	Vốn chủ sở hữu	1.454.818	157,22%	1.742.668	19,79%	1.900.016
3	Doanh thu thuần	10.434.354	(18,77%)	7.083.419	(32,11%)	816.539
3.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	9.671.244 (*)	(22,10%)	5.706.447	(41,00%)	474.198
3.2	Doanh thu hoạt động chăn nuôi	762.244 (*)	76,98%	1.372.700	80,09%	342.101
3.3	Doanh thu bán cảm	-	-	3.110	-	-
3.4	Doanh thu cho thuê	866	-	1162	34,18%	240
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	487.560	149,79%	525.409	7,76%	63.480
4.1	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh nông sản	215.688 (*)	70,58%	152.392	(29,35%)	4.192
4.2	Lợi nhuận gộp về hoạt động chăn nuôi	273.630 (*)	298,05%	376.314	37,53%	59.224
4.3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán cảm	-	-	(4.196)	-	-
4.4	Lợi nhuận gộp về hoạt động cho thuê	(1.759)	-	899	-	64
5	Lợi nhuận khác	360	-	(4.632)	-	6.876
6	Lợi nhuận trước thuế	390.472	573,91%	338.878	(13,21%)	3.906
7	Lợi nhuận sau thuế	321.791	602,20%	287.779	(10,57%)	3.906
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	109,07%	-	-	-	-
9	Tỷ lệ cổ tức	45%	-	-	-	-
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31,85%	-	18,00	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Điều chỉnh lại số dư đầu kỳ theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF do thay đổi đơn vị kiểm toán.

Cập nhật phần nhận xét tại mục “1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất” phần “V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch” trang 126 đến 130 của Bản Cáo Bạch

“Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản hợp nhất của Công ty đạt 4.729,09 tỷ đồng, giảm 728,15 tỷ đồng, tương đương giảm 13,34% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022, Công ty giảm được các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khoảng 1.450 tỷ đồng. Tổng tài sản của BAF tại thời điểm kết thúc Quý I năm 2023 là 5.989,93 tỷ đồng.

Trong năm 2022, BAF thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu hợp nhất của công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính đạt 1.742,66 tỷ đồng, tăng 287,85 tỷ đồng, tương đương tăng 19,79% so với cùng kỳ. Kết thúc ngày 31/03/2023, vốn chủ sở hữu của Công ty ghi nhận trên BCTC hợp nhất là 1.900,01 tỷ đồng.

Năm 2022, trong một bối cảnh kinh tế khó khăn, doanh thu thuần hợp nhất của BAF tiếp tục suy giảm 32,11% so với cùng kỳ, chỉ đạt 7.083,41 tỷ đồng. Điểm tích cực nhất đến từ việc doanh thu của mảng chăn nuôi heo đang tăng lên nhanh chóng: đạt 1.372,7 tỷ đồng, tăng trưởng 80,09% so với cùng kỳ. Kết thúc ngày 31/03/2023, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 816,53 tỷ đồng, hoàn thành 32,32% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ đề ra.

Năm 2022, lợi nhuận sau thuế suy giảm 10,57% tăng trưởng so với cùng kỳ, chỉ đạt 287,77 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của BAF trong Quý I năm 2023 đạt 3.906 tỷ đồng.”

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

3. Thông tin về tình hình tài chính

3.1. Tình hình công nợ

3.1.1. Tình hình các khoản phải thu

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 30: Tình hình phải thu các năm gần đây theo BCTC tổng hợp” tại trang 136 của Bản Cáo Bạch

Bảng 30: Tình hình phải thu các năm gần đây theo BCTC tổng hợp

Đơn vị: VNĐ

Stt	Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.144.768.697.742	1.099.299.708.971	1.193.989.362.671
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.863.040.379.237 (*)	643.501.723.127	491.285.376.035
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.804.571.227	25.699.870.125	360.851.011.395
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	188.918.714.983	359.752.207.679	244.201.916.101
4	Phải thu ngắn hạn khác	61.918.374.293 (*)	74.561.560.696	101.866.711.796
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	86.658.002	87.651.252	87.651.252
II	Các khoản phải thu dài hạn	82.600.809.256	69.852.014.200	77.427.014.200
1	Phải thu về cho vay dài hạn	17.110.809.256	675.000.000	600.000.000
2	Phải thu về cho vay dài hạn khác	65.490.000.000	69.177.014.200	76.827.014.200
	Tổng cộng	3.227.369.506.998	1.169.151.723.171	1.763.487.438.078

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Số liệu thay đổi do BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán phân loại lại một số các khoản mục. Chi tiết tại thuyết minh số 32 – BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán của BAF.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Cập nhật bổ sung thông tin về các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trong năm 2022 và Quý I năm 2023 trong "Bảng 31: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng các năm gần đây theo BCTC riêng" tại trang 137 của Bản Cáo Bạch

Bảng 31: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng các năm gần đây theo BCTC riêng

Đơn vị: VND

Stt	Phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC riêng	31/12/2021 (*)	31/12/2022	31/03/2023
I	Phải thu các bên khác	2.529.270.160.846	494.327.100.121	364.153.284.561
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi	83.068.554.050	200.125.316.800	-
2	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	94.543.645.500	192.024.997.500	59.510.682.500
3	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Long Hưng	-	56.836.756.350	-
4	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Phát triển Dịch vụ Sơn La	530.954.129.580	-	-
5	Công ty Cổ phần OTE Group	332.222.891.900	-	-
6	Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long	292.090.463.228	-	-
7	CTCP Nông nghiệp Bảo lâm	-	-	123.513.000.000
8	CTCP kinh doanh nông sản Phú Tâm	-	-	25.719.908.000
9	Các bên khác	1.196.390.476.588	45.340.029.471	155.409.694.061
II	Phải thu các bên liên quan	333.770.218.391	149.174.623.006	127.132.091.474
1	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	65.273.723.968	-

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC riêng	31/12/2021 (*)	31/12/2022	31/03/2023
2	Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	11.175.437.524	58.713.403.885	-
3	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	-	15.211.555.784	726.903.296
4	Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	-	7.474.077.640	20.321.474.210
5	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành	103.955.903.453	2.501.861.729	11.629.417.730
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	218.638.877.414	-	-
	TỔNG CỘNG	2.863.040.379.237	643.501.723.127	491.285.376.035

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Số liệu thay đổi do BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán phân loại lại một số các khoản mục. Chi tiết tại thuyết minh số 32 – BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán của BAF.

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 32: Phải thu về cho vay ngắn hạn các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng” tại trang 138 của Bản Cáo Bạch

Bảng 32: Phải thu về cho vay ngắn hạn các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị: VNĐ

Tên đối tác	31/12/2022	31/03/2023
Phải thu các bên liên quan	357.864.282.690	243.201.916.101
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	94.290.000.000	94.290.000.000
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	-	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	28.458.606.034	29.843.606.034
Công ty TNHH SX TM DV Bắc An Khánh	24.060.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Đông An Khánh	56.864.000.000	29.564.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	47.800.000.000	19.700.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	58.088.217.000	58.088.217.000
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2	47.280.000.000	11.165.000.000

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Tên đối tác	31/12/2022	31/03/2023
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hoi	1.023.459.656	551.093.067
Phải thu các bên khác	1.887.924.989	1.000.000.000
Cộng	357.864.282.690	244.201.916.101

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 33: Phải thu về cho vay dài hạn các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng” tại trang 140 của Bản Cáo Bạch

Bảng 33: Phải thu về cho vay dài hạn các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị tính: VNĐ

Tên đối tác	31/12/2022	31/03/2023
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (1)	-	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thụ (3)	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hoi (4)	-	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	-	-
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (6)	675.000.000	600.000.000
Cộng	675.000.000	600.000.000

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 34: Tình hình phải thu các năm gần đây theo BCTC hợp nhất” tại trang 142 của Bản Cáo Bạch

Bảng 34: Tình hình phải thu các năm gần đây theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.933.059.782.424	1.502.476.580.095	1.686.060.423.878
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.764.759.937.080 (*)	1.313.962.230.556	1.121.244.014.774
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	115.690.518.984	142.136.494.506	491.046.829.734

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.887.924.989	1.000.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	52.522.668.358 (*)	48.705.582.700	76.985.232.026
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(4.303.303.908)	(4.303.303.908)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	86.658.002	87.651.252	87.651.252
II	Các khoản phải thu dài hạn	99.020.809.256	81.702.014.200	77.427.014.200
1	Phải thu về cho vay dài hạn	17.110.809.256	675.000.000	600.000.000
2	Phải thu về cho vay dài hạn khác	81.910.000.000	81.027.014.200	76.827.014.200
	Tổng cộng	2.962.439.388.408	1.584.178.594.295	1.763.487.438.078

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Số liệu thay đổi do BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán phân loại lại một số các khoản mục. Chi tiết tại thuyết minh số 39 – BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF.

Tổng các khoản phải thu

Tổng các khoản phải thu của BAF tính đến hết Quý I năm 2023, theo BCTC hợp nhất, là khoảng 1.763,48 tỷ đồng. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm 63,58% tỷ trọng tổng các khoản phải thu (khoảng 1.121,24 tỷ đồng), tiếp đến là các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, chiếm 27,85% tỷ trọng tổng các khoản phải thu (khoảng 491,04 tỷ đồng).

Cập nhật bổ sung thông tin về số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 35: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC hợp nhất” tại trang 143 của Bản Cáo Bạch

Bảng 35: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Stt	Phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC hợp nhất	31/12/2021 (*)	31/12/2022	31/03/2023
I	Phải thu các bên khác	2.534.945.622.142	1.255.248.826.671	1.035.046.844.847
1	Công ty Cổ phần Việt Phi	83.068.554.050	434.934.149.750	234.808.832.950
2	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang	249.531.747.682	329.134.804.490	329.174.376.808
3	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Xuất	94.543.645.500	192.024.997.500	-

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Phải thu ngắn hạn của khách hàng trên BCTC hợp nhất	31/12/2021 (*)	31/12/2022	31/03/2023
	Nhập Khẩu Tân Thành Nam			
4	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	-	187.704.034.380	311.178.941.880
5	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Phát triển Dịch vụ Sơn La	530.954.129.580	-	-
6	Công ty Cổ phần OTE Group	332.222.891.900	-	-
7	Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long	292.090.463.228	-	-
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	239.639.200.255	-	-
9	Các bên khác	712.894.989.947	111.450.840.551	159.884.693.209
II	Phải thu các bên liên quan	229.814.314.938	58.713.403.885	86.197.169.927
1	Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	11.175.437.524	58.713.403.885	86.197.169.927
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	218.638.877.414	-	-
	TỔNG CỘNG	2.764.759.937.080	1.313.962.230.556	1.121.244.014.774

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

(*) Số liệu thay đổi do BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán phân loại lại một số các khoản mục. Chi tiết tại thuyết minh số 39 – BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF.

Các khoản phải thu quá hạn

Tính đến thời điểm kết thúc ngày 31/03/2023, BAF không có bất kỳ khoản phải thu quá hạn nào.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

3.1.2. Tình hình các khoản phải trả

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 36: Tình hình phải trả các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng” tại trang 144 của Bản Cáo Bạch

Bảng 36: Tình hình phải trả các năm gần đây theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
I	Nợ ngắn hạn	1.668.300.633.406	2.230.051.286.639
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.041.054.351.239	1.557.467.842.892
2	Người mua trả tiền trước hạn	5.010.828.819	13.907.774.203
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	54.710.153.555	56.173.887.735
4	Phải trả người lao động	23.525.521.267	13.497.628.509
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	36.701.507.734	34.509.004.135
6	Phải trả ngắn hạn khác	52.428.365.792	83.321.433.765
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	454.869.905.000	471.173.715.400
II	Nợ dài hạn	301.845.213.297	738.974.093.553
1	Phải trả người bán dài hạn	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	301.845.213.297	738.974.093.553
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
	Tổng Nợ phải trả	1.970.145.846.703	2.969.025.380.192

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 37: Tình hình phải trả các năm gần đây theo BCTC hợp nhất” tại trang 144, 145 của Bản Cáo Bạch

Bảng 37: Tình hình phải trả các năm gần đây theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
I	Nợ ngắn hạn	2.291.719.028.034	2.919.339.099.610
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.900.920.607.966	2.455.863.988.171
2	Người mua trả tiền trước hạn	8.632.664.086	13.613.360.285
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	54.752.938.089	56.480.609.177
4	Phải trả người lao động	23.660.558.031	13.697.859.375
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	30.633.186.645	33.279.741.111
6	Phải trả ngắn hạn khác	8.718.476.183	43.710.353.367
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	264.400.597.034	302.693.188.124

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
II	Nợ dài hạn	694.709.004.968	1.170.579.387.097
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	692.905.367.577	1.168.775.749.706
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.803.637.391	1.803.637.391
	Tổng Nợ phải trả	2.986.428.033.002	4.089.918.486.707

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

Tổng các khoản phải trả

Tổng các khoản nợ phải trả của BAF tính đến thời điểm 31/03/2023 theo BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 là khoảng 4.089,91 tỷ đồng. Trong đó, hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nợ của BAF là phải trả người bán ngắn hạn (chiếm 60,05% tỷ trọng/nợ phải trả, tương đương 2.455,86 tỷ đồng) và vay và nợ thuê tài chính dài hạn (chiếm 28,62% tỷ trọng/nợ phải trả, tương đương 1.168,78 tỷ đồng).

3.1.3. Vay và nợ thuê tài chính

Cập nhật số liệu năm 2022 ở "Bảng 38: Vay và nợ thuê tài chính theo BCTC tổng hợp, riêng" tại trang 145, 146 của Bản Cáo Bạch

Bảng 38: Vay và nợ thuê tài chính theo BCTC tổng hợp, riêng

Đơn vị: VNĐ

Stt	Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022	31/03/2023
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	454.869.905.000	471.173.715.400
I	Vay ngắn hạn các bên liên quan	248.152.061.000	234.002.061.000
1	Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	32.215.000.000	32.215.000.000
2	Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	61.371.942.000	52.821.942.000
3	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	-	-
4	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	62.635.119.000	62.635.119.000
5	Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	24.100.000.000	10.995.000.000
6	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	20.840.000.000	19.000.000.000
7	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn	46.990.000.000	47.390.000.000
8	Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	-	9.045.000.000
II	Vay ngắn hạn ngân hàng	203.278.644.000	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam-CN Bắc Hà	198.340.644.000	198.794.454.400

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

2	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM- CN Tiền Giang	4.938.000.000	4.938.000.000
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tân Định	-	30.000.000.000
III	Vay dài hạn ngân hàng tới hạn trả	3.439.200.000	3.439.200.000
1	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM- CN Tiền Giang	3.439.200.000	3.439.200.000
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	301.845.213.297	738.974.093.553
I	Trái phiếu thường dài hạn	289.497.313.297	290.494.573.571
1	Trái phiếu BAF122029	289.497.313.297	290.494.573.571
II	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	-	436.991.419.981
1	Trái phiếu BAFH2229001	-	436.991.419.981
III	Vay dài hạn ngân hàng	12.347.900.000	11.488.100.000
1	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM- CN Tiền Giang	12.347.900.000	11.488.100.000
Cộng Vay và nợ thuê tài chính		756.715.118.297	1.210.147.808.953

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 của BAF)

Cập nhật số liệu năm 2022 ở “Bảng 39: Vay và nợ thuê tài chính theo BCTC hợp nhất” tại trang 146, 147 của Bản Cáo Bạch

Tại thời điểm 31/03/2023, tổng các khoản vay và nợ thuê tài chính trên BCTC hợp nhất của BAF là 1.210,14 tỷ đồng. Trong đó, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 471,17 tỷ đồng, tương đương 38,94% tỷ trọng/tổng vay và nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 738,97 tỷ đồng, tương đương 61,06% tỷ trọng/ tổng vay và nợ thuê tài chính.

Bảng 39: Vay và nợ thuê tài chính theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	264.400.597.034	302.693.188.124
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	203.278.644.000	233.732.454.400
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	198.340.644.000	198.794.454.400
2	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM - CN Tiền Giang	4.938.000.000	4.938.000.000
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tân Định	-	30.000.000.000
II	Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	61.121.953.034	68.960.733.724
B	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	692.905.367.577	1.168.775.749.706
I	Trái phiếu thường dài hạn	289.497.313.297	290.494.573.571

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
I	Trái phiếu BAF122029	289.497.313.297	290.494.573.571
II	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	-	436.991.419.981
I	Trái phiếu BAFH2229001	-	436.991.419.981
III	Vay dài hạn ngân hàng	403.408.054.280	441.289.756.154
1	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	34.151.120.959	32.499.320.959
2	Ngân hàng TMCP Á Châu	18.949.131.000	18.949.131.000
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	221.336.611.170	221.336.611.170
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	134.726.693.025	134.726.693.025
5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	33.778.000.000	33.778.000.000
	Cộng Vay và nợ thuê tài chính	957.305.964.611	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Tính đến thời điểm phát hành “Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch” này, các khoản nợ của BAF đều được thanh toán đầy đủ, đúng hạn, đủ gốc và lãi (nếu có). Hiện BAF không có các khoản nợ phải trả quá hạn và cũng không vi phạm điều khoản nào trong bất kỳ một hợp đồng hay cam kết nào khác.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 40: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC tổng hợp” tại trang 147 của Bản Cáo Bạch

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được BAF thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Các khoản phải nộp theo luật định từ năm 2020 đến thời điểm kết thúc 31/03/2023 của Tổ Chức Phát Hành chi tiết như sau:

Bảng 40: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC tổng hợp

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	285.421.574	2.457.009.468
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.134.572.645	53.134.572.645

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.290.159.336	582.305.622
5	Các loại thuế, phí khác	-	-
	Tổng cộng	54.710.153.555	56.173.887.735

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2023 của BAF)
Cập nhật số liệu năm 2022 và Quý I năm 2023 ở “Bảng 41: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất” tại trang 147, 148 của Bản Cáo Bạch

Bảng 41: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/03/2023
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	343.568.802	2.779.093.604
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.972.734.687	52.972.734.687
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.436.634.600	728.780.886
5	Các loại thuế, phí khác	-	-
	Tổng cộng	54.752.938.089	56.480.609.177

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF)

Tại thời điểm kết thúc ngày 31/03/2023, tổng số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 là 56.480.609.177 đồng.

3.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Cập nhật các chỉ tiêu tài chính của năm 2022 ở “Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu” tại trang 149 của Bản Cáo Bạch

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn (lần)	1,00	1,01
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn (lần)	0,79	0,80
2. Cơ cấu về vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,89	0,89

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	BCTC riêng	BCTC Hợp nhất
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	8,20	8,28
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (số vòng)	2,88	2,22
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân (số vòng)	2,40	2,40
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (số vòng)	13,34	13,34
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần bình quân (%)	0,30	0,30
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	1,03	0,79
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	13,66	13,37
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	2.251

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF)

3.4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Cập nhật ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm 2022 tại trang 150 của Bản Cáo Bạch

Thông tin về tổ chức thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Phố Bà Triệu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5250

Website: <http://ey.com>

Báo cáo tài chính năm 2022

- ✦ **BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán – số 12943524/66878879:** “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam,

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- ✚ **BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán – số 12943524/66878879-HN:** “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

- Cập nhật “Bảng 43: Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận hợp nhất năm 2023 của BAF” tại trang 154 của Bản Cáo Bạch

Kế hoạch kinh doanh dưới đây được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Cụ thể:

Bảng 43: Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận hợp nhất năm 2023 của BAF

Chỉ tiêu	Kế hoạch dự kiến năm 2023 (triệu đồng)	Năm 2022	
		Thực hiện (triệu đồng)	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	7.525.914	7.082.256	6,26%
- Hoạt động chăn nuôi	2.525.976	1.372.700	84%
- Hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi	999.938	3.109	32.062,7%
- Hoạt động kinh doanh nông sản	4.000.000	5.706.447	(29,9%)
Lợi nhuận sau thuế	301.434	287.061	5%
- Hoạt động chăn nuôi	192.034	173.806	10,49%
- Hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi	45.400	(8.658)	524,37%
- Hoạt động kinh doanh nông sản	64.000	121.913	(47,5%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4%	4%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

(Phần này của trang được cố ý để trống)

Cập nhật "Bảng 44: Chi tiết hoạt động chăn nuôi dự kiến thực hiện trong năm 2023" tại trang 154 của Bản Cáo Bạch

Bảng 44: Chi tiết hoạt động chăn nuôi dự kiến thực hiện trong năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch dự kiến năm 2023		
		Sản lượng bán ra thị trường (con)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)
1	Heo giống bố mẹ bán ra (PS)	61.470	536.018	239.733
2	Heo thịt bán ra	247.500	1.367.314	303.064
3	Cai sữa	39.800	54.570	4.422
Tổng cộng		348.770	1.957.902	547.219

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam)

Căn cứ để đạt được kế hoạch

- Năm 2023, khó khăn của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi lợn sẽ được giảm bớt nhờ việc giá thịt lợn đang trên đà hồi phục, cùng với đó là một số yếu tố hỗ trợ như: Nhu cầu ăn uống bên ngoài phục hồi; và thiếu hụt nguồn cung khi hộ chăn nuôi vẫn ngần ngại trong việc tái đàn do giá heo giảm trong thời gian gần đây trong khi giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao. Hiện nay, các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn chiếm khoảng 60% tổng nguồn cung thịt lợn tại Việt Nam.
- Giá cả thức ăn chăn nuôi được kỳ vọng giảm do các nước xuất khẩu ngũ cốc lớn trên thế giới đã bắt đầu tăng cung hàng trở lại. Bên cạnh đó, giá phân bón đang cho thấy tín hiệu hạ nhiệt, góp phần thúc đẩy sản lượng thu hoạch nhờ tăng năng suất cây trồng.
- Nhu cầu tiêu thụ thịt được dự báo sẽ không giảm do tăng trưởng thu nhập thực tế của người dân nhờ kế hoạch tăng lương cơ bản của chính phủ lên khoản 20,8%. Các dịch vụ giải trí, lưu trú, ăn uống cũng sẽ phục hồi dần theo đà phục hồi của ngành du lịch...
- Hệ thống trại heo của BAF ngày càng được đầu tư, mở rộng. Các trang trại mới với mô hình thiết kế hiện đại, công nghệ tiên tiến khi được đưa vào khai thác sẽ góp phần gia tăng sản lượng và chất lượng heo thịt cung ứng ra thị trường.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

Cập nhật "Bảng 45: Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2022" tại trang 156 của Bản Cáo Bạch

Bảng 45: Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2022

Chỉ tiêu	Năm 2022		Kế hoạch năm 2022 (Triệu đồng)
	Thực hiện (Triệu đồng)	Tỷ lệ đạt được so với kế hoạch năm 2022 (%)	
Doanh thu thuần hợp nhất (triệu đồng)	7.082.256	119,02%	5.950.342
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (triệu đồng)	287.061	71,32%	402.485

3.6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Cập nhật kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo tại trang 159 của Bản Cáo Bạch

BAF dự kiến phát hành thêm 300 (Ba trăm tỷ) đồng trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo cho tổ chức tài chính quốc tế International Finance Corporation ("IFC"). Thời gian dự kiến phát hành là vào khoảng Quý II/2023.

4. Thông tin về đợt chào bán

4.1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

Cập nhật bổ sung danh sách các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại trang 160 của Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 14.04.2023/NQ-HĐQT ngày 14/04/2023 của Hội Đồng Quản Trị của tổ chức phát hành về việc triển khai thực hiện Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2 và thay đổi, điều chỉnh chi tiết kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

4.2. Thời gian và lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Cập nhật Thời gian và lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2 tại trang 164 của Bản Cáo Bạch

Stt	Đợt chào bán	Tên Trái Phiếu	Thời gian phát hành dự kiến
2	Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2	Trái phiếu BAFH2225002	Quý II/2023 – Quý III/2023

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

4.3. Mô tả chi tiết về phương án sử dụng vốn

Cập nhật chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2 tại "Bảng 47: Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của BAF" từ trang 180 đến 183 của Bản Cáo Bạch

Bảng 47: Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của BAF

Stt	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (triệu đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
B	Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2		
1	Thanh toán chi phí mua hàng hóa	300.000	
1.1.	Thanh toán tiền mua nông sản cần thanh toán cho CTCP Gạo Vĩ Dân (mã số thuế: 6300306085) theo hợp đồng số 2912-2021/GVD-BAFNN/32K ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 và số 02. Giá trị hợp đồng khoảng 450 tỷ đồng.	225.000	Quý II đến Quý III năm 2023
2	Chi phí thuế trang trại	25.000	
2.1	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Bà Trần Thị Thu Hương theo hợp đồng số 18/5/2019/HĐKTT-TH-BAF ngày 18/05/2019. Đơn giá thuê là 550 triệu đồng/tháng.		
2.2	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà (mã số thuế: 3401108373) theo hợp đồng số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019. Đơn giá thuê là 750 triệu đồng/tháng.		
2.3	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Bà Mai Thị Thước theo hợp đồng số 01.02/2018HĐCCTS ngày 08/02/2018. Đơn giá thuê là 455 triệu đồng/tháng.	25.000	Quý II đến Quý III năm 2023
2.4	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Bà Mai Thị Thước theo hợp đồng số 02.07/2017HĐCCTS ngày 21/06/2017. Đơn giá thuê là 633,6 triệu đồng/tháng.		

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH



NHÀO TÀI CHÁT LƯỢNG DƯỢC SÔNG

Stt	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (triệu đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
2.5	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn theo hợp đồng số 04/10/CNBS/BAFVN-2019 ngày 04/10/2019. Đơn giá thuê 720 triệu đồng/tháng.		
2.6	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (mã số thuế: 3502305642) theo hợp đồng số 2017/CM-BAF ngày 01/10/2017. Đơn giá thuê là 1,12 tỷ đồng/tháng.		
2.7	Tiền thuê trang trại Quý II và Quý III năm 2023 cần thanh toán cho Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh (mã số thuế: 3401134581) theo hợp đồng số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/01/2018 Đơn giá thuê là 940 triệu đồng/tháng.		
3	Chi phí phụ gia, nguyên liệu sản xuất cám	50.000	
3.1	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu AFA (mã số thuế: 0315595304) theo hợp đồng nguyên tắc số 03012023BAF-NASA ngày 03/01/2023.		
3.2	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với Công ty cổ phần HUM (mã số thuế: 0312837146) theo hợp đồng kinh tế số 230.22/HUM-BAF ngày 10/11/2022 và phụ lục hợp đồng số 01.		
3.3	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với Công ty cổ phần HUM (mã số thuế: 0312837146) theo hợp đồng kinh tế số 231.22/HUM-BAF ngày 10/11/2022 và phụ lục hợp đồng số 01.	50.000	Quý II đến Quý IV năm 2023
3.4	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với Công ty TNHH Định hướng dinh dưỡng EZ (mã số thuế: 3602978190) theo hợp đồng nguyên tắc số 020123/HĐNT/BAF-EZ ngày 02/01/2023.		
3.5	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với Công ty TNHH RUBY (mã số thuế: 0301636134) theo hợp đồng nguyên tắc số 07.23/HĐNT/BAFVN-RUBY ngày 03/01/2023.		

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

Stt	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (triệu đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
3.6	Tiền hàng phát sinh trong Quý II/2023 đến Quý IV/2023 với công ty TNHH Lương Thực Cờ Đỏ (mã số thuế: 1801163544) theo hợp đồng nguyên tắc số 19-2022/HĐNT/LTCD-BAF ngày 01/09/2022.		

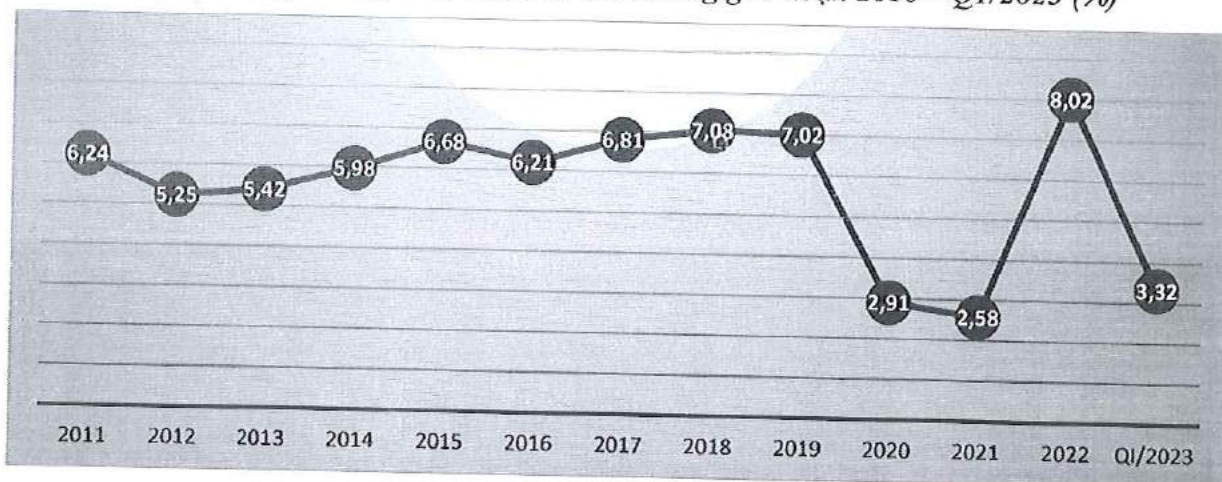
(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

5. Các nhân tố rủi ro

5.1. Rủi ro thay đổi về điều kiện kinh tế

Cập nhật thông tin tại phần “1.1. Rủi ro thay đổi về điều kiện kinh tế” từ trang 9 đến trang 11 của Bản Cáo Bạch

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – Q1/2023 (%)



(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê)

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021 do nền kinh tế được khôi phục trở lại, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%.

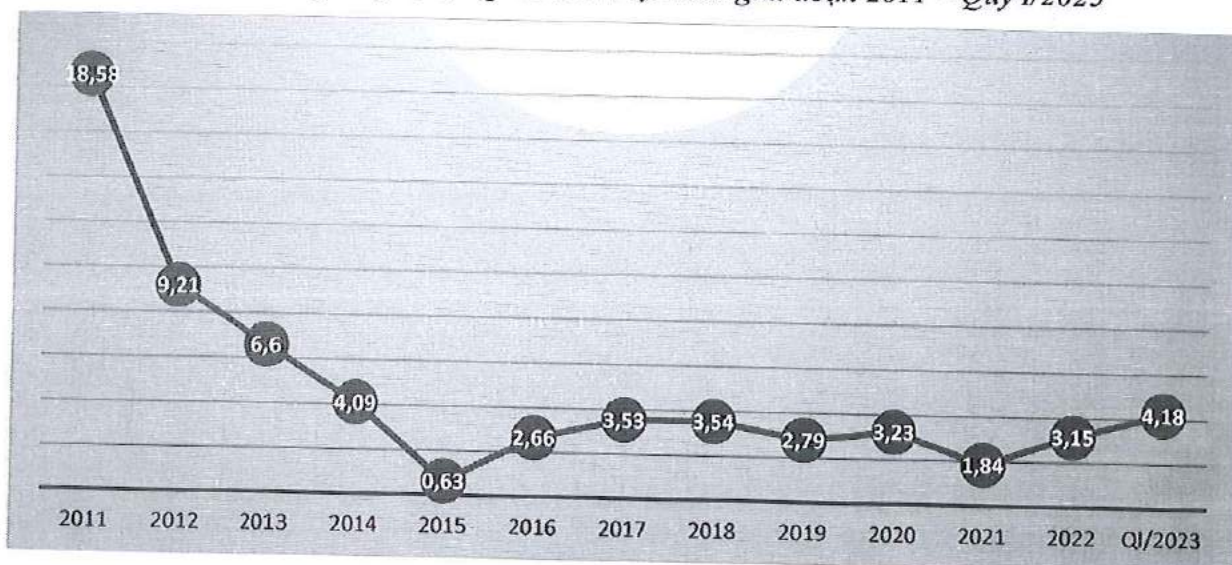
Kết thúc Quý I năm 2023, tổng sản phẩm quốc nội tăng 3,32% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76%; khu vực dịch vụ tăng 6,79%, đóng góp 95,91%.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

5.2. Rủi ro lạm phát

Cập nhật thông tin tại phần “1.2. Rủi ro lạm phát” từ trang 11 đến trang 12 của Bản Báo Bạch

Hình 2: Thống kê tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011 – Quý I/2023



Năm 2022, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga – Ukraine và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu; chính sách tài khóa, tiền tệ được nhiều nền kinh tế điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát đã tác động tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế, một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái; thiên tai, lũ lụt, hạn hán, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây nguy cơ mất an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Trong nước, kinh tế phục hồi, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng nhưng nhìn chung mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra trong bối cảnh một năm nhiều biến động khó lường.

Kết thúc quý I năm 2023, lạm phát cơ bản bình quân tăng 5,01% so với bình quân cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,18%).

5.3. Rủi ro lãi suất

Cập nhật bổ thông tin sau tại phần “1.4. Rủi ro lãi suất” trang 13 của Bản Báo Bạch

“Đến thời điểm kết thúc Quý I năm 2022, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam không có các khoản nợ vay ngân hàng, các khoản nợ vay ngân hàng trên báo cáo tài chính hợp nhất đều đến từ các công ty con và chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong cơ cấu vốn của BAF. Do

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

đó, việc biến động lãi suất ngân hàng hiện nay sẽ không gây ra ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.”

Cập nhật thông tin sau tại phần “1.4. Rủi ro lãi suất” trang 13 của Bản Cáo Bạch

“Từ tháng 09 năm 2022, để phù hợp với bối cảnh quốc tế và tình hình vĩ mô, lạm phát trong nước cũng như mục tiêu chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phải nâng các mức lãi suất điều hành thêm từ 0,5 - 1 điểm phần trăm. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 5%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 2,5%/năm lên 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng (TCTD) từ 5%/năm lên 6%/năm....

Mặt bằng lãi suất cao được duy trì đúng vào thời điểm BAF cần vốn để phát triển thêm mảng hoạt động chăn nuôi heo của mình, do đó, chi phí lãi vay, theo BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2022, của Công ty có sự gia tăng mạnh từ 8,25 tỷ đồng lên 36,33 tỷ đồng, tương đương tăng 28,08 tỷ đồng và 340,36% so với cùng kỳ. Mặc dù chi phí tài chính của BAF không có nhiều sự biến động, nhưng nếu lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức cao trong tương lai, kết quả kinh doanh của BAF chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng.”

6. Phụ lục

Cập nhật bổ sung thông tin tại phần “XI. PHỤ LỤC” trang 189 của Bản Cáo Bạch

10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 19/05/2023;
11. Nghị quyết số 14.04.2023/NQ-HDQT ngày 14/04/2023 của Hội Đồng Quản Trị của tổ chức phát hành về việc triển khai thực hiện Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 2 và thay đổi, điều chỉnh chi tiết kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
12. Phụ lục 01 hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số: 3012-02/2021/HĐDD/BAF-ABS ngày 17/04/2023 ký giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán ABS;
13. Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng 1;
14. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của BAF;
15. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2023 của BAF.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

V. **CHỮ KÝ** (Chữ ký của những người đã ký trong Bản cáo bạch hoặc những người có chức danh tương đương)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31... tháng 05... năm 2023

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Sỹ Bá

TỔNG GIÁM ĐỐC

**TRƯỞNG BAN
KIỂM SOÁT**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Hương Giang

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Huỳnh Thanh Mai

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nhâm Hà Hải